

Hà Nội, ngày 27 tháng 10 năm 2014

Kính gửi:

- Cục Hải quan, Cục Thuế các tỉnh có khu kinh tế cửa khẩu;
- Công ty TNHH MTV TM&DV Sài Gòn-Mộc Bài.

Bộ Tài chính nhận được công văn số 16/2014/CV-SGMB ngày 03/9/2014 và công văn số 17/2014/CV-SGMB ngày 04/9/2014 của Công ty TNHH MTV TM&DV Sài Gòn-Mộc Bài về việc hướng dẫn thực hiện Thông tư số 109/2014/TT-BTC ngày 15/9/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều của Quyết định số 72/2013/QĐ-TTg (Thông tư số 109/2014/TT-BTC). Về vấn đề này, Bộ Tài chính có ý kiến như sau:

1. Về việc khấu trừ, hoàn thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt (TTĐB), thuế giá trị gia tăng (GTGT) ở khâu nhập khẩu đối với hàng hoá chịu thuế ngay khi nhập khẩu từ nước ngoài vào khu phi thuế quan thuộc khu kinh tế cửa khẩu (KKTCK), sau đó xuất khẩu ra nước ngoài, bán cho các doanh nghiệp giữa các khu phi thuế quan thuộc KKTCK hoặc bán miễn thuế cho khách tham quan du lịch khu phi thuế quan thuộc KKTCK:

Khoản 4 Điều 4 Thông tư số 109/2014/TT-BTC quy định: “Hàng hóa, dịch vụ nhập khẩu từ nước ngoài vào và được tiêu thụ trong khu phi thuế quan thuộc KKTCK thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT, trừ hàng hoá thuộc danh mục mặt hàng chịu thuế ngay khi nhập khẩu từ nước ngoài vào khu phi thuế quan thuộc KKTCK quy định tại mục II phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này”.

Khoản 4 Điều 5 Thông tư số 109/2014/TT-BTC quy định: “Hàng hóa nhập khẩu từ nước ngoài vào và được tiêu thụ trong khu phi thuế quan thuộc KKTCK thuộc đối tượng không chịu thuế TTĐB, trừ các trường hợp sau: c) Hàng hoá thuộc danh mục mặt hàng chịu thuế ngay khi nhập khẩu từ nước ngoài vào khu phi thuế quan thuộc KKTCK quy định tại mục II phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này”.

Điểm c khoản 3 Điều 6 Thông tư số 109/2014/TT-BTC quy định: “Hàng hóa nhập khẩu từ nước ngoài vào và chỉ sử dụng trong khu phi thuế quan thuộc KKTCK thuộc đối tượng không chịu thuế nhập khẩu, trừ hàng hoá thuộc danh mục mặt hàng chịu thuế ngay khi nhập khẩu từ nước ngoài vào khu phi thuế quan thuộc KKTCK quy định tại mục II phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này”.

Mục II, phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 109/2014/TT-BTC quy định:

“1. Hàng hoá chịu thuế ngay khi nhập khẩu từ nước ngoài vào khu phi thuế quan thuộc khu kinh tế cửa khẩu là các loại hàng hoá nhập khẩu từ nước ngoài vào khu phi thuế quan, trừ hàng hoá nhập khẩu để thực hiện dự án đầu tư bao gồm:

a) Hàng hoá nhập khẩu để tạo tài sản cố định của dự án đầu tư tại khu phi thuế

quan thuộc khu kinh tế cửa khẩu;

b) Hàng hoá là nguyên liệu, vật tư, linh kiện, bán thành phẩm nhập khẩu để sản xuất của các dự án đầu tư trong khu phi thuế quan thuộc khu kinh tế cửa khẩu

2. Việc xác định hàng hoá nhập khẩu để thực hiện dự án đầu tư được căn cứ theo hướng dẫn về hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu để thực hiện dự án đầu tư quy định tại Thông tư số 128/2013/TT-BTC.”

Căn cứ theo quy định nêu trên:

a) Đối với hàng hoá chịu thuế ngay khi nhập khẩu từ nước ngoài vào khu phi thuế quan quy định tại mục II phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 109/2014/TT-BTC thuộc đối tượng chịu thuế nhập khẩu, thuế TTĐB (nếu có), thuế GTGT khi nhập khẩu (không áp dụng cơ chế khu phi thuế quan), sau đó:

a.1) Xuất khẩu ra nước ngoài: Thực hiện quy định về thuế (thuế nhập khẩu, thuế TTĐB, thuế GTGT) tương tự như hàng hoá nhập khẩu tiêu thụ trong nước rồi xuất khẩu ra nước ngoài. Cụ thể:

- Được xét hoàn thuế nhập khẩu theo quy định tại khoản 8 Điều 15 Nghị định số 87/2010/NĐ-CP ngày 13/8/2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu.

- Được hoàn thuế TTĐB theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Nghị định số 26/2009/NĐ-CP ngày 16/3/2009 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thuế TTĐB.

- Được áp dụng mức thuế suất 0% quy định tại khoản 1 Điều 8 Luật thuế GTGT (đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 3 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế GTGT) và được khấu trừ, hoàn thuế GTGT đầu vào nếu đủ điều kiện theo quy định của Luật thuế GTGT, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế GTGT và các văn bản hướng dẫn thi hành.

- Về thủ tục, hồ sơ hoàn thuế thực hiện theo hướng dẫn tại Điều 120 Thông tư số 128/2013/TT-BTC ngày 10/9/2013 của Bộ Tài chính quy định về thủ tục hải quan; kiểm tra, giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu.

a.2) Bán cho các doanh nghiệp giữa các khu phi thuế quan thuộc KKTCK: Thực hiện quy định về thuế tương tự như hàng hoá nhập khẩu tiêu thụ trong nước. Cụ thể:

- Không hoàn thuế nhập khẩu.

- Không hoàn thuế TTĐB (nếu có).

- Không áp dụng thuế suất thuế GTGT 0%, nhưng được khấu trừ thuế GTGT đầu vào (theo mức thuế suất áp dụng đối với loại hàng hoá đó) nếu đủ điều kiện theo quy định của Luật thuế GTGT, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế GTGT và các văn bản hướng dẫn thi hành.

a.3) Bán hàng miễn thuế cho khách tham quan du lịch khu phi thuế quan thuộc

KKTCK: Căn cứ quy định của Luật quản lý thuế, khoản 4 Điều 13 Luật thuế GTGT, khoản 11 Điều 15 Nghị định số 87/2010/NĐ-CP, trường hợp thương nhân kinh doanh đã bán hàng miễn thuế cho khách tham quan du lịch khu phi thuế quan thuộc KKTCK (với giá không bao gồm thuế) thì được hoàn thuế nhập khẩu, thuế GTGT tương ứng với số lượng hàng hoá thực tế bán cho đúng đối tượng được miễn thuế. Hồ sơ hoàn thuế thực hiện theo hướng dẫn tại Điều 125 Thông tư số 128/2013/TT-BTC ngày 10/9/2013 của Bộ Tài chính quy định về thủ tục hải quan; kiểm tra, giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu. Trong đó:

- Quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép miễn thuế: Là Quyết định số 72/2013/QĐ-TTg ngày 26/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ quy định cơ chế, chính sách tài chính đối với KKTCK, không yêu cầu nộp bản chụp.

- Tờ khai hải quan hàng hoá xuất khẩu hoặc nhập khẩu: Là Tờ khai hải quan hàng hoá chịu thuế ngay khi nhập khẩu từ nước ngoài vào khu phi thuế quan.

- Hoá đơn mua bán hàng hoá: Là hoá đơn bán hàng miễn thuế cho khách tham quan du lịch khu phi thuế quan.

- Bảng kê danh mục tài liệu hồ sơ đề nghị hoàn thuế: Trong đó có Bảng kê các thông tin về việc bán hàng miễn thuế (tên người mua hàng, số chứng minh, tên hàng, số lượng, trị giá, ngày bán...).

- Việc hoàn thuế theo nội dung hướng dẫn nêu trên chỉ áp dụng đối với các thương nhân được phép kinh doanh bán hàng miễn thuế theo Quyết định số 72/2013/QĐ-TTg.

b) Đối với hàng hoá nhập khẩu để tạo tài sản cố định của dự án đầu tư, hàng hoá là nguyên liệu, vật tư, linh kiện, bán thành phẩm nhập khẩu để sản xuất của các dự án đầu tư trong khu phi thuế quan thuộc KKTCK nêu tại điểm a, điểm b khoản 1 mục II phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 109/2014/TT-BTC: Thực hiện chính sách thuế nhập khẩu, thuế TTĐB (nếu có), thuế GTGT theo nội dung đã hướng dẫn tại Thông tư số 109/2014/TT-BTC.

2. Về trường hợp hàng hoá quy định tại mục II phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 109/2014/TT-BTC được làm thủ tục nhập khẩu từ nước ngoài vào khu phi thuế quan thuộc KKTCK trước ngày 01/10/2014 nhưng còn tồn kho đến ngày Thông tư số 109/2014/TT-BTC có hiệu lực thi hành

Liên quan đến vướng mắc đối với hàng hoá nhập khẩu từ nước ngoài vào khu phi thuế quan thuộc khu kinh tế cửa khẩu theo quy định tại Quyết định số 72/2013/QĐ-TTg, Bộ Tài chính đã có công văn số 1207/BTC-CST ngày 23/01/2014 gửi Ủy ban nhân dân các tỉnh có KKTCK hướng dẫn thực hiện cơ chế, chính sách áp dụng đối với KKTCK (khi chưa có Thông tư hướng dẫn Quyết định số 72/2013/QĐ-TTg) và công văn số 9220/BTC-CST ngày 08/7/2014 trả lời Cục Hải quan tỉnh Tây Ninh hướng dẫn việc thực hiện công văn số 1207/BTC-CST. Theo đó, đối với hàng hóa chịu thuế ngay khi nhập khẩu từ nước ngoài vào khu phi thuế quan thuộc KKTCK (quy định tại Mục II, phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 109/2014/TT-BTC) mà đã nhập khẩu từ nước ngoài vào khu phi thuế quan thuộc KKTCK trước ngày

01/10/2014 nhưng còn tồn kho đến ngày Thông tư số 109/2014/TT-BTC có hiệu lực thi hành thì vẫn tiếp tục thực hiện chính sách thuế GTGT, thuế TTĐB, thuế nhập khẩu theo quy định (áp dụng đối với hàng hoá nhập khẩu từ nước ngoài vào khu phi thuế quan, không phải chịu thuế ngay khi nhập khẩu) trước khi Thông tư số 109/2014/TT-BTC có hiệu lực thi hành; doanh nghiệp phải lập bảng kê số lượng hàng hoá còn tồn kho trước ngày 01/10/2014 để cơ quan hải quan quản lý lượng hàng hoá tồn kho, đảm bảo doanh nghiệp xuất hàng bán đúng đối tượng.

Bộ Tài chính hướng dẫn để Cục Hải quan, Cục Thuế, Công ty TNHH MTV TM&DV Sài Gòn-Mộc Bài được biết và thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo Bộ (để b/c);
- Tổng cục Hải quan; ✓
- Tổng cục Thuế;
- Vụ Pháp chế;
- Lưu: VT, CST (PxNK).

TL. BỘ TRƯỞNG
KT. VỤ TRƯỞNG VỤ CHÍNH SÁCH THUẾ
KHO VỤ TRƯỞNG



Lưu Đức Huy